

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: KẾ TOÁN
Mã ngành	: 52 34 03 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: ACCOUNTING
Tên chuyên ngành	: KẾ TOÁN
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: ACCOUNTING
Mã chuyên ngành	: 52 34 03 01 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, dự toán và phân tích ngân sách trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh; có năng lực học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên ngành Kế toán khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	PLO1	Áp dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật
2	PLO2	Áp dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và thuế
3	PLO3	Đánh giá được các vấn đề về tài chính doanh nghiệp
4	PLO4	Tổ chức được công tác kế toán trong các tổ chức
5	PLO5	Có năng lực tổ chức, điều hành và làm việc nhóm
6	PLO6	Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp
7	PLO7	Có năng lực sử dụng ngoại ngữ

8	PLO8	Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin
9	PLO9	Có năng lực học tập suốt đời
10	PLO10	Hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp
11	PLO11	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật
12	PLO12	Có tinh thần trách nhiệm với công việc và với xã hội

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán (cử nhân kế toán) có thể làm việc nhiều tổ chức khác nhau, gồm các cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ, và các doanh nghiệp. Công việc có thể đảm nhận được của kế toán không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực kế toán, mà còn bao gồm cả lĩnh vực tài chính, thuế và kiểm toán. Cử nhân kế toán có thể

Làm việc ở:

- Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp: Đảm nhận các công việc liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, kiểm tra thuế, quản trị tài chính, dự toán và phân tích ngân sách; giám đốc tài chính.
- Các công ty kiểm toán, các công ty tư vấn kế toán, thuế
- Trong lĩnh vực ngân hàng, các công ty tài chính.

Đảm nhận các công việc:

- Kế toán viên, kiểm toán viên.
- Kế toán trưởng, trưởng nhóm kiểm toán, giám đốc tài chính.
- Phân tích kinh doanh, phân tích tài chính, lập và phân tích ngân sách.
- Kiểm soát tài chính, tư vấn tài chính, quản trị ngân quỹ.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1011	PRE-IELTS 1	3
08	ENG1012	PRE-IELTS 2	2
09	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2
15	MIS1001	Tin học văn phòng	3
16	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
17	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
18	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
19	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	50
20		Giáo dục thể chất	5
21		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

Ngoài khối lượng kiến thức tiếng Anh như thiết kế, khuyến khích sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh ENG2013 và ENG2014 tham gia các học phần tiếng Anh sau, kết quả thi các học phần này được ghi vào bảng điểm nhưng không tính vào điểm trung bình học tập.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
22	ENG3011	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 1	2
23	ENG3012	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 2	2
24	ENG3013	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 3	2
25	ENG3014	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 4	2

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
27	MKT2001	Marketing căn bản	3
28	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
29	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
30	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
31	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
32	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
33	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
34	LAW2001	Luật kinh doanh	3
35	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	ACC2001	Kế toán tài chính 1	3
37	ACC2002	Kế toán quản trị	3
38	ACC2004	Kế toán hành chính sự nghiệp	3
39	ACC3001	Kế toán tài chính 2	3

40	ACC3008	Hệ thống thông tin kế toán	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
41	ACC3009	Kế toán quốc tế	2
42	BAN3003	Nghiệp vụ ngân hàng	3
43	MGT3001	Quản trị chiến lược	3
44	FIN3001	Tài chính quốc tế	3
45	FIN3002	Đầu tư tài chính	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
46	ACC3004	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
47	ACC3005	Kế toán công ty	3
48	ACC3007	Kế toán thuế	3
49	AUD3005	Kiểm toán	3
50	ACC3010	Thực hành kế toán	3
51	FIN3004	Tài chính công ty	3
		Tổng	18

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
52	ACC3002	Kế toán quản trị nâng cao	3
53	AUD3004	Kiểm soát nội bộ	3
54	ACC3095	Đề án môn học	2
55	BAN3004	Kế toán ngân hàng	3
56	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
57	Sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa thông qua các cuộc tìm hiểu thực tiễn kinh doanh và quản lý, thực tiễn tổ chức và triển khai các công việc kế toán, kiểm toán, thuế ở các doanh nghiệp, cơ quan; qua đó làm quen với thực tiễn, rèn luyện kỹ năng quan sát, tổ chức thực hiện.	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
58	ACC4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
59		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn thuộc <i>Học phần chuyên ngành</i>	6
		Hình thức 2	
60	ACC4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Bachelor of Business (accountancy) - Queensland University of Technology, Australia	https://www.qut.edu.au/study/courses/bachelor-of-business/bachelor-of-business-accountancy
2	Bachelor of Accountancy– Massey University, New zealand	http://www.massey.ac.nz/massey/learning/programme-course-paper/programme.cfm?prog_id=93313&tab=plan

**HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**